

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS - ST

Ngày: 17/8/2020

V/v : Tranh chấp tiền đặt cọc

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Khắc Kiếm ;

Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Khánh Tân - Thư ký TAND Thành Phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15 /2020 / TLST- DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp tiền đặt cọc” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: 1.1. Ông Lê Nhữ T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu phố N, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa

1.2. Ông Lê Nhữ T2, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa

1.3. Ông Lê Cao H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu phố T, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa

1.4. Ông Nguyễn Thế T3, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu phố X, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần T4

Địa chỉ: B, phường H, thành phố T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T5 – Giám đốc công ty (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần T4 cung cấp xe điện. Do vậy các anh Lê Nhữ T, Lê Nhữ T2, Lê Cao H và Nguyễn Thế T3 đã lên đặt cọc cho công ty để mua xe điện trong thời gian từ tháng 12/2018 đến tháng 4/2019, cụ thể: ngày 17/12/2018 anh Lê Nhữ T đặt cọc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), ngày 19/01/2019 anh Lê Nhữ T2 đặt cọc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), ngày 31/01/2019 anh Lê Cao H đặt cọc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) ngày 02/4/2019 anh Nguyễn Thế T3 đặt cọc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Công ty hứa sẽ giao xe cho các anh kịp hoạt động hè vào ngày 30/4/2019. Nhưng đến ngày hẹn công ty không có xe giao cho các anh nên lại hẹn đến ngày 19/5/2019 nhưng vẫn không có xe nên công ty tiếp tục hẹn đến 10/6/2019 nhưng vẫn không giao xe cho các anh. Đến ngày 10/7/2019 các anh yêu cầu công ty trả lại tiền đã đặt cọc thì công ty hẹn đến 10/8/2019, sau đó công ty cổ phần T4 đã nhiều lần hẹn và thất hẹn với các anh. Đến nay công ty vẫn không giao xe hay trả lại tiền đặt cọc cho các anh. Do vậy anh T, T2, H, T3 khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đề nghị giải quyết: Buộc công ty cổ phần T4 trả lại toàn bộ số tiền đặt cọc và tiền lãi cho các anh, cụ thể:

Anh Lê Nhữ T 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và lãi suất tính từ ngày đặt cọc đến ngày thanh toán tiền

Anh Lê Nhữ T2 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và lãi suất tính từ ngày đặt cọc đến ngày thanh toán tiền

Anh Lê Cao H 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và lãi suất tính từ ngày đặt cọc đến ngày thanh toán tiền

Anh Nguyễn Thế T3 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và lãi suất tính từ ngày đặt cọc đến ngày thanh toán tiền

Người đại diện bị đơn: ông Lê Văn T5 trình bày: Ông thống nhất với trình bày của các nguyên đơn về việc cung cấp xe điện, thời gian và số tiền đặt cọc cũng như trình bày về việc đến nay công ty vẫn chưa thể giao xe điện cho các nguyên đơn.

Khi các nguyên đơn đặt cọc tiền công ty chúng tôi đã có biên bản thỏa thuận thời điểm giao xe điện cho những người đã đặt tiền như các nguyên đơn đã trình bày. Tuy nhiên chưa giao được xe cho các nguyên đơn vì các lý do: Công ty đã gửi công văn cho các Sở ban ngành có liên quan để được kinh doanh và nhận phân bổ xe điện. Nhưng do ảnh hưởng của dịch Covid -19 nên kế hoạch giao xe cho các đơn vị có nhu cầu và đủ điều kiện nhận xe chậm. Đến ngày 24/06/2020 mới có văn bản chỉ đạo của Bí thư tỉnh ủy và các Sở ban ngành liên quan đưa ra phương án kế hoạch giải quyết theo hướng chỉ đạo.

Đến nay các anh T, T2, H, T3 khởi kiện đến Tòa án yêu cầu trả lại tiền đặt

cọc, thì ông T5 đề nghị các anh tạo điều kiện cho công ty. Ông T5 cam kết ngày 02/08/2020 sẽ thanh toán đủ số tiền đã đặt cọc cho công ty và tự nguyện thanh toán tiền lãi trên số tiền đặt cọc theo mức lãi suất là 1,5%/tháng thời gian tính từ ngày nhận tiền đặt cọc đến ngày thanh toán tiền gốc. Sau ngày 02/08/2020 nếu công ty không thanh toán cho các nguyên đơn thì sẽ H toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại phiên tòa các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu công ty T4 phải trả lại toàn bộ số tiền đã đặt cọc đồng thời yêu cầu Công ty phải trả lãi theo lãi suất theo lãi suất 1,5% tháng như ông T5 là người đại diện của phía bị đơn đã nói. Thời gian tính lãi kể từ ngày nhận tiền đặt cọc cho đến ngày xét xử.

Phía đại diện bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến :

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vụ án.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, người liên quan; thực hiện xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định; Việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự thực hiện đúng quy định; chấp hành đúng quy định của BLTTDS về thời hạn chuẩn bị xét xử .

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử vụ án:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã nộp yêu cầu khởi kiện, cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, có mặt theo giấy triệu tập và chấp hành các quyết định của Tòa án, tham gia phiên tòa và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Bị đơn chấp hành các giấy triệu tập của Tòa án, có bản tự khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 234 BLTTDS. Tại phiên tòa đại diện cho bị đơn đã

được tổng đạt hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS để xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ phía nguyên đơn xuất trình, văn bản thỏa thuận ngày 19/01/2019; bản thỏa thuận ngày 31/01/2019; Bản thỏa thuận ngày 17/12/2018; Giấy hẹn ngày 08/11/2019; các phiếu thu ngày 02/4/2019; ngày 31/01/2019; ngày 19/01/2019; ngày 17/02/2018; Lời khai của các đồng nguyên đơn; Lời khai của người đại diện cho bị đơn đều thể hiện công ty cổ phần T4 nhận tiền đặt cọc của các anh Lê Nhữ T, anh Lê Nhữ T2, anh Lê Cao H, anh Nguyễn Thế T3, đại diện phía bị đơn cũng thừa nhận thời gian đặt cọc tiền mua xe, số tiền mà phía bị đơn nhận đặt cọc của từng người phù hợp với lời khai của các nguyên đơn. Do vậy việc các anh Lê Nhữ T, anh Lê Nhữ T2, anh Lê Cao H, anh Nguyễn Thế T3 yêu cầu công ty cổ phần T4 phải thanh toán tiền công ty đã nhận đặt cọc mua xe các nguyên đơn là có cơ sở căn cứ vào Điều 351; 353 Bộ luật Dân sự đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Nhữ T, anh Lê Nhữ T2, anh Lê Cao H, anh Nguyễn Thế T3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã đ- ọc xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1] Về tố tụng: Đại diện bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến phiên Tòa 02 lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên Tòa và không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 BLTTDS để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công ty cổ phần T4 thanh toán tiền đặt cọc, đây là tranh chấp dân sự. Do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định khoản 2 Điều 26, Điều 35 BLTTDS.

[3]. Xét yêu cầu của các nguyên đơn là anh Lê Nhữ T, anh Lê Nhữ T2, anh Lê Cao H, anh Nguyễn Thế T3 yêu cầu Công ty cổ phần T4 trả tiền đặt cọc xe cụ thể :

Anh Lê Nhữ T 100.000.000đ (một trăm triệu đồng);

Anh Lê Nhữ T2 100.000.000đ (một trăm triệu đồng);

Anh Lê Cao H 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng);

Anh Nguyễn Thế T3 100.000.000đ (một trăm triệu đồng);

Căn cứ vào các chứng cứ phía nguyên đơn xuất trình như: văn bản thỏa thuận ngày 19/01/2019; bản thỏa thuận ngày 31/01/2019; Bản thỏa thuận ngày

17/12/2018; Giấy hẹn ngày 08/11/2019; các phiếu thu ngày 02/4/2019; ngày 31/01/2019; ngày 19/01/2019; ngày 17/02/2018(BL: 07-> 15); Lời khai của các đồng nguyên đơn (BL: 43-> 46); Lời khai của người đại diện cho bị đơn(BL:77) đều thể hiện công ty cổ phần T4 nhận tiền đặt cọc của các anh Lê Nhữ T, anh Lê Nhữ T2, anh Lê Cao H, anh Nguyễn Thế T3 , đại diện phía bị đơn cũng thừa nhận thời gian đặt cọc tiền mua xe, số tiền mà phía bị đơn nhận đặt cọc của từng người phù hợp với lời khai của các nguyên đơn. Do vậy việc các anh Lê Nhữ T, anh Lê Nhữ T2, anh Lê Cao H, anh Nguyễn Thế T3 yêu cầu công ty cổ phần T4 phải thanh toán tiền công ty đã nhận đặt cọc mua xe các nguyên đơn là có cơ sở căn cứ vào Điều 351; 353 Bộ luật dân sự chấp nhận đơn yêu cầu của anh Lê Nhữ T, anh Lê Nhữ T2, anh Lê Cao H, anh Nguyễn Thế T3 .

[4]. Về lãi suất: Lê Nhữ T, anh Lê Nhữ T2, anh Lê Cao H, anh Nguyễn Thế T3 yêu cầu Công ty cổ phần T4 phải trả lãi đối với số tiền nhận đặt cọc mua xe của từng người theo lãi suất 0,9% tháng thời gian tính lãi từ ngày công ty nhận tiền cho đến ngày xét xử, phía đại diện công ty cổ phần T4 thống nhất với yêu cầu tính lãi và tự nguyện trả lãi cho các đương sự với mức lãi 1,5%/ tháng. Tại phiên tòa các nguyên đơn cũng yêu cầu Công ty T4 trả mức lãi suất 1,5%/ tháng. Xét thấy việc công ty cổ phần T4 tự nguyện trả mức lãi suất 1,5%/ tháng (18%/ năm) không vượt quá mức lãi suất 20%/ năm là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Như vậy tiền lãi suất công ty cổ phần đồng đội xứ Thanh phải trả cụ thể như sau: Đối với anh Lê Nhữ T thời gian công ty nhận tiền là ngày 17/12/2018 do vậy thời gian tính lãi từ ngày 17/12/2018 đến ngày 17/8/2020 là 20 tháng.

$$100.000.000\text{đồng} \times 20 \text{ tháng} \times 1,5\% = 30.000.000.$$

Đối với anh Lê Nhữ T2 thời gian công ty nhận tiền là ngày 09/01/2019 do vậy thời gian tính lãi từ ngày 19/01/2019 đến ngày 17/8/2020 là 18 tháng 28 ngày.

$$100.000.000\text{đồng} \times 18 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} \times 1,5\% = 28.400.000 \text{ đồng}.$$

Đối với anh Lê Cao H thời gian công ty nhận tiền là ngày 31/01/2019 do vậy thời gian tính lãi từ ngày 31/01/2019 đến ngày 17/8/2020 là 18 tháng 18 ngày.

$$50.000.000\text{đồng} \times 18 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} \times 1,5\% = 13.950.000 \text{ đồng}.$$

Đối với anh Nguyễn Thế T3 thời gian công ty nhận tiền là ngày 02/4/2019 do vậy thời gian tính lãi từ ngày 02/4/2019 đến ngày 17/8/2020 là 16 tháng 15 ngày.

$$100.000.000\text{đồng} \times 16 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} \times 1,5\% = 24.750.000 \text{ đồng}.$$

[5]. Về án phí: Công ty cổ phần thương binh đồng đội xứ Thanh phải chịu án phí DS 21.884.000 đồng theo khoản 2 Điều 26; điểm c tiêu mục 1.3 mục 1 phần I Mục A Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14 về quy định mức án phí, Lệ phí Tòa án.

Các anh Lê Nhữ T, Lê Nhữ T2, Lê Cao H và Nguyễn Thế T3 không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa cụ thể như sau:

Anh Lê Nhữ T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.721.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0000698 ngày 03/01/2020;

Anh Lê Nhữ T2 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.703.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0000701 ngày 03/01/2020

Anh Lê Cao H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.356.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0000699 ngày 03/01/2020;

Anh Nguyễn Thế T3 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.657.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0000700 ngày 03/01/2020;

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 BLTTDS; Điều 351; Điều 353, Điều 357; Điều 468 BLDS; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; khoản 2 Điều 26; điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần I Mục A Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14 về quy định mức án phí, Lệ phí Tòa án.

Xử: - Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Nhữ T, anh Lê Nhữ T2, anh Lê Cao H, anh Nguyễn Thế T3.

Buộc công ty cổ phần T4 phải có trách nhiệm trả cụ thể như sau:

Trả cho anh Lê Nhữ T số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng)

Trả cho anh Lê Nhữ T2 số tiền 128.400.000 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng)

Trả cho anh Lê Cao H số tiền 63.950.000 đồng (Sáu mươi ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)

Trả cho anh Nguyễn Thế T3 số tiền 124.750.000 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các anh T, T2, T3, H có đơn yêu cầu nếu Công ty cổ phần T4 không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Công ty cổ phần thương binh đồng đội sứ Thanh phải chịu án phí DS 21.884.000 đồng.

Các anh Lê Nhữ T, Lê Nhữ T2, Lê Cao H và Nguyễn Thế T3 không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa cụ thể như sau:

Anh Lê Nhữ T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.721.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0000698 ngày 03/01/2020;

Anh Lê Nhữ T2 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.703.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0000701 ngày 03/01/2020

Anh Lê Cao H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.356.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0000699 ngày 03/01/2020;

Anh Nguyễn Thế T3 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.657.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0000700 ngày 03/01/2020;

Người đi- ợc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đi- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đ- ơng sự;
- VKSND TPTH;
- TAND, VKSND tỉnh TH;
- THA TPTH;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt